



## NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM

Lưu ý về định dạng văn bản: font times new roman; size 12, spacing: before: 0pt, after: 3pt; line spacing: multiple: 1.03). Lưu tên file: [ddmmyyy][MCK]\_Ban so sanh dieu le/quy che.

### Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng bôi đậm, gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung đề nghị sửa đổi” là phần in nghiêng, bôi đậm, màu đỏ.
- Luật doanh nghiệp 2020 là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật chứng khoán 2019 là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT-BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p style="text-align: center;"><b>PHẦN MỞ ĐẦU</b></p> <p>Điều lệ này của Công ty Cổ phần Dược Liệu Và Thực phẩm Việt Nam (dưới đây gọi là "Công ty"), là cơ sở pháp lý cho Công ty hoạt động theo <b><u>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13</u></b> được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam <b><u>khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.</u></b></p>	<p style="text-align: center;"><b>PHẦN MỞ ĐẦU</b></p> <p>Điều lệ này của Công ty Cổ phần Dược Liệu Và Thực phẩm Việt Nam (dưới đây gọi là "Công ty"), là cơ sở pháp lý cho Công ty hoạt động theo <b><i>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</i></b> được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam <b><i>khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.</i></b></p>	Cập nhật dẫn chiếu điều luật

<p>Điều lệ này gồm <b>56</b> điều (“Điều Lệ”) được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty thường niên được tổ chức vào <b>ngày 27 tháng 06 năm 2020</b>, thay thế cho Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày <b>18/04/2018</b>, được sửa đổi bổ sung phù hợp với những quy định của pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	<p>Điều lệ này gồm <b>57</b> điều (“Điều Lệ”) được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty thường niên được tổ chức vào <b>ngày 19 tháng 06 năm 2021</b>, thay thế cho Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày <b>27/06/2020</b>, được sửa đổi bổ sung phù hợp với những quy định của pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	
<p><b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b></p>	<p><b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b></p>	
<p><b>Điều 1. Định nghĩa</b></p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>a. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là <b>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13</b> được Quốc hội thông qua ngày <b>26 tháng 11 năm 2014</b>.</p> <p>b. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là <b>Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11</b> đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày <b>29 tháng 06 năm 2006</b> và <b>Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12</b> đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày <b>24/11/2010</b>.</p>	<p><b>Điều 1. Định nghĩa</b></p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là <b>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</b> được Quốc hội thông qua ngày <b>17 tháng 06 năm 2020</b>.</p> <p>b. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số <b>54/2019/QH14</b> đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày <b>26 tháng 11 năm 2019</b>.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu điều luật</p>
	<p><i>d. Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</i></p>	<p>Bổ sung theo Khoản 33 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại <b>Điều 27</b> của Điều lệ này.</p>	<p>f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại <b>Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn</b></p>	<p>Cập nhật điều khoản dẫn chiếu và bổ sung</p>

	<i>(nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.</i>	theo Điểm n Khoản 1 Điều 1 Phụ lục 01 Thông tư 116/2020/TT-BTC Mẫu Điều lệ công ty
f. "Người quản lý doanh nghiệp" là Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.	g. "Người quản lý doanh nghiệp" là <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị</i> , Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.	Bổ sung theo Khoản 24 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2020
	<i>h. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;</i>	Bổ sung theo Khoản 55 Điều 3 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
j. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại <b><u>khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp</u></b> và <b><u>Khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán</u></b> .	l. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại <i>Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp</i> và <i>Khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán</i> .	Cập nhật dẫn chiếu điều luật
<b><u>l. "Tiểu ban Kiểm toán" có nghĩa là Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị như được quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 134 của Luật Doanh nghiệp;</u></b>	n. " <i>Ủy ban Kiểm toán</i> " có nghĩa là <i>Ủy ban kiểm toán</i> trực thuộc Hội đồng quản trị như được quy định tại <i>Điểm b, Khoản 1, Điều 137 của Luật Doanh nghiệp</i> ;	Luật doanh nghiệp 2020 sử dụng thuật ngữ "Ủy ban kiểm toán" thay cho "Tiểu ban kiểm toán nội bộ" trong Luật doanh nghiệp 2014
	<i>o. "Tổ chức kiểm toán được chấp thuận" là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán</i>	Bổ sung theo Khoản 22 Điều 4 Luật chứng khoán 2019

	<i>theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật về kiểm toán độc lập.</i>	
<b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	<b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b>	
<p><b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b></p> <p>4. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ này và trong Quy chế Quản trị của Công ty.</p> <p>6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo <b>Điều 51.2</b> hoặc gia hạn hoạt động theo <b>Điều 52.2</b> của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p><b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b></p> <p>4. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại <b>Điều 12, Điều 13 Luật doanh nghiệp</b>, Điều lệ này và trong Quy chế Quản trị của Công ty.</p> <p>6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo <b>Điều 55.2</b> hoặc gia hạn hoạt động theo <b>Điều 56.2</b> của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	Bổ sung tham chiếu Luật doanh nghiệp 2020
<b>V. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, TRÁI PHIẾU</b>	<b>V. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, TRÁI PHIẾU</b>	
<p><b>Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b></p> <p>7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông <b><u>do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</u></b></p>	<p><b>Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b></p> <p>7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại <i>được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn mười (10) ngày</i></p>	Sửa theo Khoản 2 Điều 134 Luật doanh nghiệp 2020

	<i>kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</i>	
<b>Điều 8. Chứng nhận Cổ phiếu</b> 1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. 2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 <b>Điều 120</b> Luật doanh nghiệp.	<b>Điều 8. Chứng nhận Cổ phiếu</b> 1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. 2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 <b>Điều 121</b> Luật doanh nghiệp.	Cập nhật dẫn chiếu điều luật
6. Liên quan tới Cổ Phần ưu đãi, ngoài các quy định nêu trên, thì chứng chỉ cổ phiếu còn phải nêu rõ các hình thức ưu đãi của Cổ Phần đó và/hoặc các nội dung khác theo quy định của <b>Điều 117 và Điều 118</b> Luật Doanh Nghiệp.	6. Liên quan tới Cổ Phần ưu đãi, ngoài các quy định nêu trên, thì chứng chỉ cổ phiếu còn phải nêu rõ các hình thức ưu đãi của Cổ Phần đó và/hoặc các nội dung khác theo quy định của <b>Điều 116, Điều 117 và Điều 118</b> Luật Doanh Nghiệp.	Cập nhật dẫn chiếu điều luật
<b>Điều 10. Thu hồi cổ phần</b> 4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại <b>khoản 3 Điều 111</b> Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	<b>Điều 10. Thu hồi cổ phần</b> 4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại <b>khoản 3 Điều 112</b> Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	Cập nhật dẫn chiếu điều luật
<b>Điều 11. Cổ phần ưu đãi</b> 1. Phụ thuộc vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp, Công ty	<b>Điều 11. Cổ phần ưu đãi</b> 1. Phụ thuộc vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp, Công ty	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp 2020

12  
TY  
N  
CPH  
M  
1A

<p>có thể có cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:</p> <p>a) Cổ phần ưu đãi cổ tức;</p> <p>b) Cổ phần ưu đãi hoàn lại;</p> <p>c) Cổ phần ưu đãi khác do Pháp luật hoặc Điều lệ công ty quy định.</p>	<p>có thể có cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:</p> <p>a) Cổ phần ưu đãi cổ tức;</p> <p>b) Cổ phần ưu đãi hoàn lại;</p> <p>c) <b>Cổ phần ưu đãi biểu quyết;</b></p> <p>d) Cổ phần ưu đãi khác do Pháp luật hoặc Điều lệ công ty quy định.</p>	
<p><b>Điều 12. Chứng khoán khác, Trái phiếu</b></p> <p>5. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.</p> <p>6. Trường hợp công ty cổ phần phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	<p><b>Điều 12. Chứng khoán khác, Trái phiếu</b></p> <p><b>5. Đại hội đồng cổ đông quyết định về loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền. Việc biểu quyết thông qua nghị quyết về chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 148 của Luật doanh nghiệp;</b></p> <p>6. <b>Trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này,</b> Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.</p> <p>7. Trường hợp công ty cổ phần phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 1 Điều 130 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p><b>VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b></p>	<p><b>VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b></p>	
<p><b>Điều 13. Mô hình quản trị</b></p>	<p><b>Điều 13. Mô hình quản trị</b></p>	<p>Bổ sung theo Điểm b</p>



Mô hình quản trị của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị; c. Tổng giám đốc.	Mô hình quản trị của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị; c. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị c. Tổng giám đốc.	Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020
<b>VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	<b>VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	
<b>Điều 14. Quyền của cổ đông</b> 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc các hình thức khác do pháp luật quy định, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;	<b>Điều 14. Quyền của cổ đông</b> 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền <i>hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu qua hình thức điện tử các hình thức khác</i> do pháp luật quy định, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;	Bổ sung hình thức tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử
c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành trừ trường hợp quy định tại <b>Điều 119.3 và Điều 126.1</b> của Luật doanh nghiệp;	c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành trừ trường hợp quy định tại <i>khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127</i> của Luật doanh nghiệp và <i>quy định khác của pháp luật có liên quan</i> ;	Cập nhật dẫn chiếu điều luật
e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin <b>liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông</b> và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan <i>về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết</i> và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;	Sửa theo Điểm đ Khoản 1 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020
h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <b>Điều 129</b> của Luật Doanh nghiệp;	h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <b>Điều 132</b> của Luật Doanh nghiệp;	Cập nhật dẫn chiếu điều luật
i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp	<i>i. Quyền được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng</i>	Bổ sung theo Khoản 1

<p>luật.</p>	<p><i>một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</i></p> <p><i>j. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật;</i></p> <p><i>k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</i></p> <p>l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p><i>Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi (nếu có) của Công ty còn có các quyền theo quy định tại Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Doanh nghiệp.</i></p>	<p>Điều 41 Luật chứng khoán 2019</p>
<p><b><u>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</u></b></p> <p>a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại Điều 27.2;</p>	<p><i>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại Điều 27.2. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</i></p> <p><i>a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</i></p>	<p>Sửa theo Khoản 3 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020</p>



	<i>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</i>	
	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:	Sửa theo Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020
b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông tại <b>Điều 114 và Điều 136</b> Luật Doanh nghiệp;	a. Yêu cầu <i>Hội đồng quản trị thực hiện</i> việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <i>Điều 115 và Điều 140</i> Luật Doanh nghiệp;	Cập nhật dẫn chiếu điều luật
d. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam;	c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam; <i>hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;</i>	Bổ sung theo Điều a Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020
e. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc	d. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc	Sửa dụng thuật ngữ “Ủy ban kiểm toán” thay cho “Tiểu ban Kiểm toán”

<p>chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; Trong trường hợp này, việc kiểm tra do <b>Tiểu ban Kiểm Toán</b> trực tiếp thực hiện và báo cáo.</p>	<p>chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; Trong trường hợp này, việc kiểm tra do <b>Ủy ban kiểm toán</b> trực tiếp thực hiện và báo cáo.</p>	
<p><b>Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông</b> Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p>	<p><b>Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông</b> Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <p><i>5. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</i></p> <p><i>6. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</i></p>	<p>Bổ sung theo Điểm 2 và Điểm 5 Điều 119 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p><b>Điều 16. Đại hội đồng cổ đông</b> 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất</p>	<p><b>Điều 16. Đại hội đồng cổ đông</b> 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất</p>	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 139 Luật doanh nghiệp</p>

097  
3 TY  
HÂN  
THỰC P  
NAM  
HA

<p>của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, <b><u>Hội đồng quản trị có trách nhiệm xin Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn</u></b>, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, <b><i>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</i></b>, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>2020</p>
<p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. <b><u>Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.</u></b></p>	<p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. <b><i>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, từ chối, trái ngược, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.</i></b></p>	<p>Sửa theo Khoản 4 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
<p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều <b>144.3</b> của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</p>	<p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <b><i>Điều 14.4</i></b> của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu điều khoản</p>



	e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	
b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 166.4a thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông, nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b>Điều 136.6 Luật Doanh nghiệp.</b>	b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 16.4a thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông, nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b>Điều 140.4</b> Luật Doanh nghiệp.	Cập nhật dẫn chiếu điều luật
<b>Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b> 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị; c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.	<b>Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b> 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị; c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; <b>d. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</b> <b>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.</b>	Bổ sung theo Khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp 2020
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau: <b>d. <u>Lựa chọn công ty kiểm toán;</u></b>	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau: <b>d. <i>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</i></b>	Sửa theo Điểm m Khoản 2 Điều 138 Luật doanh nghiệp 2020
e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;	e. Bầu, <b>miễn nhiệm</b> , bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;	Sửa theo Điểm c Khoản 2 Điều 138 Luật doanh nghiệp 2020
m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;	m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần <b>đã bán của</b>	Sửa theo Điểm g Khoản



	<i>mỗi loại;</i>	2 Điều 138 Luật doanh nghiệp 2020
n. Công ty hoặc các chi nhánh ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 <b>Điều 162</b> Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; o. Thông qua định hướng phát triển của công ty;	n. Công ty hoặc các chi nhánh ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 <b>Điều 137</b> Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; o. Thông qua định hướng phát triển của công ty;	Cập nhật dẫn chiếu điều khoản
p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;	<i>p. Loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền.</i>	Bổ sung theo Khoản 1 Điều 130 Luật doanh nghiệp 2020
	<i>q. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</i>	Căn cứ theo Khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
	<i>r. Phê duyệt quy chế nội bộ về quản trị công ty; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị</i>	Bổ sung theo Điểm 1 Khoản 2 Điều 138 Luật doanh nghiệp 2020
	<i>s. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</i>	Bổ sung theo Điểm c Khoản 2 Điều 15 Phụ lục 01 Thông tư 116/2020/TT-BTC Mẫu Điều lệ công ty

<p><b>Điều 18. Các đại diện theo ủy quyền</b></p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc <b><u>ủy quyền cho đại diện của mình tham dự</u></b>. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</p>	<p><b>Điều 18. Các đại diện theo ủy quyền</b></p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc <b><i>ủy quyền cho một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp</i></b>. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</p>	<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 144 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản <b><u>theo mẫu của công ty</u></b> và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p>	<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p>	<p>Theo Khoản 2 Điều 144 Luật doanh nghiệp 2020: Văn bản ủy quyền không nhất thiết phải theo mẫu Công ty</p>
	<p><b><i>a. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền; tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền; nội dung, phạm vi ủy quyền; thời hạn ủy quyền.</i></b></p>	<p>Bổ sung theo Khoản 2 Điều 144 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p><b>Điều 19. Thay đổi các quyền</b></p> <p>1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí của những người nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp đồng thời có sự nhất trí của những người nắm giữ ít nhất <b>65%</b> quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên.</p>	<p><b>Điều 19. Thay đổi các quyền</b></p> <p>1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí của những người nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp đồng thời có sự nhất trí của những người nắm giữ ít nhất <b>75%</b> quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên <b><i>hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong</i></b></p>	<p>Sửa và bổ sung theo Khoản 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020</p>

074  
 ÔN  
 ĐỒ P  
 ẾU VÀ  
 T T  
 PHỒ

	<i>trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</i>	
<b>Điều 20. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b> 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại <b>Điều 166.4b hoặc</b> Điều 16.4b.	<b>Điều 20. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b> 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 16.4b.	Sửa lỗi chính tả
a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách này được lập không sớm hơn mười (10) ngày <b>làm việc</b> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;	a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách này được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;	Theo Khoản 1 Điều 141 Luật doanh nghiệp 2020: Điều lệ công ty chỉ quy định thời hạn ngắn hơn
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất <b>mười (10) ngày làm việc</b> trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước chậm nhất <b>hai mươi một (21) ngày</b> trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình	Sửa theo Khoản 1 Điều 143 Luật doanh nghiệp 2020

09  
 T  
 AN  
 HUC P  
 AM  
 HA

<p>Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	
<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại <b>Điều 14.3</b> của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại <b>Điều 14.4</b> của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu điều khoản</p>
<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 20 trong các trường hợp sau:</p>	<p><b>5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</b> Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 20 trong các trường hợp sau:</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 3 Điều 142 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không</p>	<p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không</p>	<p>Theo Khoản 2 Điều 142</p>





<p>đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất <b>10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng.</b></p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.</p>	<p>đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông.</p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.</p>	<p>và Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020</p>
	<p><b>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</b></p>	<p>Bổ sung theo Khoản 4 Điều 142 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p><b>Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <b>ít nhất 51%</b> tổng số phiếu biểu quyết.</p>	<p><b>Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <b>trên 50%</b> tổng số phiếu biểu quyết.</p>	<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 145 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, <b>đại hội phải được triệu tập lại</b> trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.</p>	<p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, <b>thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi</b> trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.</p>	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 145 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30)</p>	<p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30)</p>	<p>Sửa theo Khoản 3 Điều 145 Luật doanh nghiệp</p>



<p>phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, <b><u>Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập</u></b> trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p>	<p>phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, <b><i>thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi</i></b> trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p>	<p>2020</p>
<p><b>Điều 22. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <b><u>Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ từng vấn đề sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.</u></b> Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông</p>	<p><b>Điều 22. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, <b><i>phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có)</i></b> trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <b><i>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả biểu quyết được Chủ toạ hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.</i></b> Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ.</p>	<p>Bỏ do không phù hợp với thực tế thực hiện. Sửa đổi theo Khoản 5 Điều 146 Luật doanh nghiệp</p>



quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.	Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.	
	<b>3. Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử.</b>	Bổ sung trong trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử
4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, <b><u>thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất</u></b> điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;	5. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, <b><i>Chủ tịch Ủy ban kiểm toán nội bộ</i></b> điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;	
7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 <b><u>Điều 142</u></b> Luật doanh nghiệp.	8. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 <b><i>Điều 146</i></b> Luật doanh nghiệp.	Cập nhật dẫn chiếu điều lệ
<b>Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b> 3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc <b><u>ít nhất 65%</u></b> tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành	<b>Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b> 3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc <b><i>trên 50%</i></b> tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với	Sửa theo Khoản 4 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020

74  
 NG  
 PH  
 VÀ  
 T M  
 PHỒ

(đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	
f. <b>Giao dịch mua</b> , bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán.	f. <b>Đầu tư</b> , bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán.	Sửa theo Điểm d Khoản 1 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020
4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho <b>ít nhất 51%</b> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc <b>ít nhất 51%</b> tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này.	4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho <b>trên 50%</b> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc <b>trên 50%</b> tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này.	Sửa theo Khoản 2 và Khoản 4 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020
<b>Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b> 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến; Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại <b>Điều 139</b> của Luật doanh nghiệp;	<b>Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b> 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến; Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại <b>Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143</b> của Luật doanh nghiệp;	Cập nhật dẫn chiếu điều luật
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị <b>và người</b>	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;	Sửa theo Điểm g Khoản 3 Điều 149 Luật doanh

714  
TY  
ÂN  
HỤC PH  
AM  
HA

<b>đại diện theo pháp luật của công ty;</b>		nghị 2020: Bỏ quy định phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật
Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ;	Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ; <i>Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</i>	Bổ sung theo Điểm c Khoản 4 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020
6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: e. Các quyết định đã được thông qua;	6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: e. Các quyết định đã được thông qua và <i>tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</i>	Sửa theo Điểm đ Khoản 5 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020
f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <b>người đại diện theo pháp luật của công ty</b> , người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.	f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.	Theo Điểm e Khoản 5 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020: Bỏ quy định phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật
9. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện <b>ít nhất 51%</b> tổng số phiếu biểu quyết tán thành <b>trừ những trường hợp quy định tại điều 23.3 điều lệ này.</b>	9. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện <i>trên 50%</i> tổng số phiếu biểu quyết tán thành.	Căn cứ theo Khoản 4 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020



<p><b>Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p><b><u>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</u></b></p>	<p><b>Điều 25. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p><i>i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</i></p>	<p>Sửa và bổ sung theo Điểm i Khoản 1 Điều 150 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký <i>hoặc người khác ký tên trong biên bản họp</i> phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 3 Điều 150 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, <i> nghị quyết đã được thông qua</i> và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 6 Điều 150 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p><b>Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội</p>	<p><b>Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu điều luật</p>



<p>đồng quản trị, Tổng giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại <b>Điều 14.3</b> có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại <b>Điều 148.2</b> Luật doanh nghiệp;</p>	<p>đồng quản trị, Tổng giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại <b>Điều 14.4</b> có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại <b>Điều 152.2</b> Luật doanh nghiệp;</p>	
<p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng <b>ba mươi (30)</b> ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng <b>sáu mươi (60)</b> ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>LDN không quy định thời hạn này. Tuy nhiên, để tổ chức ĐH theo đúng trình tự thủ tục thường mất từ 50-55 ngày, nên DN nên để ít nhất là 60 ngày.</p>
<p><b>VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p>	<p><b>VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p>	
<p><b>Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p><b><u>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng</u></b></p>	<p><b>Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <i>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</i></p> <p><i>Tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng</i></p>	<p>Bổ sung theo Khoản 2 Điều 154 Luật doanh nghiệp 2020.</p> <p>Sửa theo Khoản 2 và Khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>



<p><b><u>quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</u></b></p>	<p><i>quản trị là thành viên không điều hành</i>  <i>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty phải đảm bảo quy định sau:</i>  <i>a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</i>  <i>b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</i>  <i>c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</i></p>	
<p>2. Các cổ đông nắm giữ dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết <b><u>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng</u></b> có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết <b><u>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng</u></b> được đề cử một (01) thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai (02) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (03) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (04) thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p>	<p>2. Các cổ đông nắm giữ dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai (02) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (03) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (04) thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p>	<p>Sửa theo Khoản 3 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p><b>Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b>  3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị</p>	<p><b>Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b>  3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị</p>	<p>Bổ sung theo Điểm a Khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp 2020</p>

07  
ON  
OP  
UW  
ET  
PHO



<p>có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;</p>	<p>có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. Quyết định <i>chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn</i>, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;</p>	
<p>d. <b>Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</b> Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <b>từ 15% đến dưới 35%</b> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty;</p>	<p>d. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có <i>giá trị từ 35%</i> tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; <i>trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp</i></p>	<p>Bỏ so đã trùng lặp ở điều khoản dưới; Sửa theo Điểm h Khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>e. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p>	<p>e. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, <i>quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</i></p>	<p>Bổ sung theo Điểm 1 Khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>k. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 <b>Điều 130</b> của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>k. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại <i>khoản 1 và khoản 2 Điều 133</i> của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu điều luật</p>
<p>s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>s. <i>Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;</i></p>	<p>Bổ sung theo Điểm k Khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp 2020</p>
	<p>t. <i>Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty. Quyết định ban hành quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quyết định ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty;</i></p>	<p>Bổ sung theo Khoản 4 và Khoản 6 Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

109  
3 T  
I AN  
THUC  
I AN  
HA

	w. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: c. Trong phạm vi quy định tại <b>Điều 149.2</b> của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại <b>Điều 162.3</b> Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);	4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: c. Trong phạm vi quy định tại <b>Khoản 2 Điều 153</b> của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại <b>khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167</b> của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);	Cập nhật dẫn chiếu điều luật
8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.	8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. <b>Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</b>	Căn cứ theo Khoản 3 Điều 163 Luật doanh nghiệp 2020
<b>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: k. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị đến <b>dưới mười lăm phần trăm (15%)</b> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của công ty.	<b>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: k. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị đến <b>dưới ba mươi lăm phần trăm (35%)</b> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của công ty, trừ hợp đồng, giao	Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 3 Điều 28 Điều lệ công ty



	<i>dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, điểm h khoản 2 Điều 153 và Điều 167 của Luật doanh nghiệp.</i>	
	<i>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</i>	Bổ sung theo Khoản 4 Điều 156 Luật doanh nghiệp 2020
<b>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b> 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối	<b>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b> 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối	Sửa theo Điểm c Khoản 3 Điều 157 Luật doanh nghiệp 2020



<p>tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày rõ mục đích cuộc họp, các vấn đề cần bàn và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</p> <p>b. Ít nhất hai (02) thành viên <b>điều hành</b> của Hội đồng quản trị;</p>	<p>tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày rõ mục đích cuộc họp, các vấn đề cần bàn và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</p> <p>b. Ít nhất hai (02) thành viên của Hội đồng quản trị;</p>	
<p><b><u>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Hội đồng quản trị.</u></b></p>		<p>Bổ do trùng lặp nội dung</p>
<p>9. Biểu quyết.</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại <b>Điều 38.5a và Điều 38.5b</b> của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p>9. Biểu quyết.</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại <b>Điều 43.5a và Điều 43.5b</b> của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p><i>Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</i></p>	<p>Bổ sung theo Khoản 10 Điều 157 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p><b>Điều 31. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị</b></p> <p><b><u>3. Các quy định liên quan đến cơ cấu tổ chức, chức năng của Tiểu ban Kiểm toán</u></b></p> <p><b><u>3.1. Cơ cấu tổ chức của Tiểu ban Kiểm toán: Phần lớn thành viên của Tiểu ban Kiểm toán là thành viên Hội đồng quản trị độc lập và thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Các nội dung cụ thể liên quan đến cơ</u></b></p>	<p><b>Điều 31. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị</b></p>	<p>Quy định lại các nội dung liên quan đến Tiểu ban kiểm toán nội bộ ở điều khoản riêng do LDN có quy định chi tiết liên quan đến Ủy ban kiểm toán</p>



cấu tổ chức của Tiểu ban Kiểm toán sẽ được quy định tại Quy chế Quản trị Công ty.

3.2. Ít nhất 01 (một) thành viên của Tiểu ban Kiểm toán có các bằng cấp, chứng chỉ hoặc có kinh nghiệm liên quan đến công tác tài chính, kế toán hoặc kiểm toán.

3.3 Tiểu ban Kiểm toán có những quyền hạn và trách nhiệm dưới đây:

a. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này, thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Tiểu ban Kiểm toán phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Tiểu Ban Kiểm Toán quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;

b. Xây dựng cơ chế tiếp nhận ý kiến phản ánh, khiếu nại của nhân viên trong Công Ty về các sai phạm, thiếu sót trong việc quản lý, điều hành kinh doanh, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ. Cơ chế này phải đảm bảo bảo mật và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người phản ánh, khiếu nại, cũng như quy định về điều tra độc lập và các bước xử lý sau đó;

74  
NG  
PH  
VÀ T  
T N  
10

**c. Khi phát hiện thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công Ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh Nghiệp, Điều 35 và Điều 36 của Điều Lệ này thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời gửi thông báo ngay bằng văn bản đến Hội Đồng Quản Trị để Hội Đồng Quản Trị ra quyết định xử lý;**

**d. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;**

**e. Xem sổ kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều Lệ này;**

**f. Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức của Công Ty;**

**g. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công Ty. Lập nội dung thẩm định này trong báo cáo của Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên;**

**h. Kiểm toán nội bộ: Tiểu Ban Kiểm Toán chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ của Công Ty;**

**i. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của Công Ty:**

**- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí**

214  
TY  
ÂN  
ỤC PH  
AM  
HÀ

<p><b><u>kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan để Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt theo thể thức tại Điều 48 của Điều Lệ này;</u></b></p> <p><b><u>- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</u></b></p> <p><b><u>- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</u></b></p> <p><b><u>- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập;</u></b></p> <p><b><u>- Giám sát tính độc lập và khách quan của kiểm toán độc lập.</u></b></p> <p><b><u>j. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo Điều lệ này, Quy chế Quản Trị Công ty và quy định Pháp Luật.</u></b></p> <p><b><u>3.4. Tiểu ban Kiểm toán được quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</u></b></p> <p><b><u>3.5. Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Tiểu ban Kiểm toán.</u></b></p>		
<p><b>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</b></p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;</p>	<p><b>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</b></p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị/ <i>Ủy ban kiểm toán;</i></p>	
<p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật</p>	<p><i>i. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</i></p>	<p>Bổ sung theo Điểm h</p>



<p>và Điều lệ công ty.</p>	<p>k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Khoản 3 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
<p><b>IX. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</b></p>	<p><b>IX. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</b></p>	
<p><b>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm 01 (một) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p>	<p><b>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm 01 (một) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được <i>thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty</i> và báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p>	<p>Bổ sung theo Điều 298 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
<p>3. Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập, quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 <b>Điều 18</b> của Luật doanh nghiệp;</p>	<p>3. Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập, quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 <b>Điều 17</b> của Luật doanh nghiệp;</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu điều luật</p>
	<p><b>X. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p>	
	<p><b>Điều 37. Ứng cử, đề cử nhân sự Ủy ban kiểm toán</b></p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử, và không phải là người điều hành Công ty.</p>	<p>Theo Khoản 2 và Khoản 5 Điều 282 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>





	<p>2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</p>	
	<p><b>Điều 38. Thành phần Ủy ban Kiểm toán</b></p> <p>1. Ủy ban kiểm toán bao gồm từ hai (02) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</p> <p>2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty, không đang trong thời gian bị thi hành kỷ luật theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty.</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc tiêu chuẩn khác cao hơn.</p>	<p>Theo Khoản 2 và Khoản 3 Điều 282 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
	<p><b>Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán</b></p> <p>Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định các quyền, nghĩa vụ sau:</p>	<p>Theo Khoản 3 Điều 161 Luật doanh nghiệp 2020 và Khoản 3 Điều 161</p>

0  
C  
C  
C  
VI  
M



	<p><i>phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.</i></p> <p><i>9. Có quyền yêu cầu đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.</i></p> <p><i>10. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.</i></p> <p><i>11. Xây dựng các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất, phối hợp với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của công ty.</i></p> <p><i>12. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</i></p> <p><i>13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.</i></p> <p><i>14. Có đầy đủ các quyền, trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.</i></p>	
	<p><i>Điều 40. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán</i></p> <p><i>1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp Ủy ban kiểm toán được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ủy ban kiểm toán phải được lưu giữ đầy đủ.</i></p>	<p>Theo Khoản 7 Điều 283 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 161 Luật doanh nghiệp 2020</p>

097  
 TY  
 AN  
 HUC P  
 AM  
 HA

	<p>2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.</p>	
	<p><b>Điều 41. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>2. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <p>a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;</p> <p>c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;</p>	<p>Theo Điều 284 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>



	<p><i>d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch (nếu có).</i></p> <p><i>e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;</i></p> <p><i>f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;</i></p> <p><i>g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.</i></p> <p><i>h. Các nội dung khác (nếu có).</i></p>	
<p><b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b></p>	<p><b>XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b></p>	
<p><b>Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <b>Điều 159</b> Luật doanh nghiệp và các</p>	<p><b>Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <b>Điều 164</b> Luật doanh nghiệp và các</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu điều lệ</p>



quy định pháp luật khác.	quy định pháp luật khác.	
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành và <i>những người có liên quan của các thành viên này</i> không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
	<p>6. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	Bổ sung theo Khoản 3 và Khoản 4 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
<b>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b>	<b>XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b>	
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	

<p><b><u>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 27 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</u></b></p>	<p><b>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</b></p> <p><b>a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p><b>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</b></p> <p><b>2. Trường hợp đại diện được uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</b></p>	<p>Sửa theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều 49 Phụ lục 01 Thông tư 116/2020/TT-BTC Mẫu Điều lệ công ty; Khoản 2 và Khoản 4 Điều lệ công ty sửa đổi</p>
<p><b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b></p>	<p><b>XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b></p>	
<p><b><u>Điều 43. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận</u></b></p> <p>Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>Điều 47. Phân phối lợi nhuận</b></p> <p>6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Gộp nội dung điều 43 thành Khoản 6 Điều 47</p>

074  
 ĐNG  
 Ồ PH  
 ẾU VÀ T  
 ỆT N  
 PHỒ

<p><b>XVII. CON DẤU</b></p>	<p><b>XVIII. CON DẤU</b></p>	
<p><b>Điều 50. Con dấu</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định về số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công ty. <b><u>Công ty có trách nhiệm thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</u></b></p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p><b>Điều 54. Con dấu</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, <i>chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</i></p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>3. <i>Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</i></p>	<p>Luật doanh nghiệp 2020 bổ quy định về việc thông báo mẫu dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh; Bổ sung theo Khoản 1 Điều 43 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p><b>XXI. NGÀY HIỆU LỰC</b></p>	<p><b>XXII. NGÀY HIỆU LỰC</b></p>	
<p><b>Điều 56. Ngày hiệu lực</b></p> <p>1. Bản điều lệ này gồm XXII chương 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam nhất trí thông qua vào ngày 26 tháng 04 năm 2016 , sửa đổi bổ sung lần 1 tại Đại hội đồng cổ đông ngày bất thường ngày 24/01/2018, sửa đổi bổ sung lần 2 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 18/04/2018 , sửa đổi bổ sung lần 3 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27/06/2020 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương</p> <p>b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy</p>	<p><b>Điều 60. Ngày hiệu lực</b></p> <p>1. Bản điều lệ này gồm XXII chương 60 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam nhất trí thông qua vào ngày 26 tháng 04 năm 2016 , sửa đổi bổ sung lần 1 tại Đại hội đồng cổ đông ngày bất thường ngày 24/01/2018, sửa đổi bổ sung lần 2 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 18/04/2018, sửa đổi bổ sung lần 3 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27/06/2020, <b><i>sửa đổi bổ sung lần 4 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/04/2021</i></b> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương</p>	





<p>định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố</p> <p>c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.</p>	<p>b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố</p> <p>c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.</p>	
<p><i>Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.</i></p>		

